SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ ĐÔNG
Số : 1010 /BV-VTYT
V/v : Mời báo giá hóa chất, test thử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Đông, ngày 20 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp vật tư tiêu hao y tế, hóa chất, test thử

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 về việc quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập có hiệu lực từ ngày 1/9/2020; Chỉ thị số: 5888/BYT-TB-CT ngày 29 tháng 10 năm 2020 Về việc hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT;

Căn cứ nhu cầu khám chữa bệnh của bệnh viện. Bệnh viện đa khoa Hà Đông đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng hóa chất, test thử năm 2023 (Phụ lục 2 kèm theo). Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu trên, Bệnh viện đề nghị các đơn vị báo giá các mặt theo phụ lục 1 đính kèm công văn này.

1. Thời gian nhận báo giá : Chậm nhất trước 17h00 ngày 28/10/2022
2. Hình thức nhận báo giá

- Báo giá bằng văn bản, có dấu đỏ của công ty gửi về địa chỉ : Phòng Vật tư - Bệnh viện đa khoa Hà Đông–Số 2–Bế Văn Đàn–Quang Trung–Hà Đông–Hà Nội, chỉ nhận báo giá qua văn thư bệnh viện.
- Bản file mềm gửi vào hộp thư : hoachatbvhd@gmail.com

Kính mời các công ty tham gia báo giá. Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- Website bệnh viện
- Lưu: VT, VTTBYT

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ ĐÔNG

GIÁM ĐỐC
Đào Thiện Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

BẢNG CHÀO GIÁ HÓA CHẤT, TEST THỬ

Hà Nội, ngày ..... Tháng..... năm 2022

Kính gửi: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ ĐÔNG**

Công ty: .....

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật,	Tên thương mại	SĐK hoặc Số GP NK	Quy cách đóng gói	Phân nhóm	Hạn sử dụng	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán buôn kê khai (VNĐ)	Số thứ tự và ngày công bố giá KK/ KKL	Link kê khai	Đơn giá chào (có VAT) (VNĐ)	Thông tin về gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó							Phân loại
																Tên BV/ SYT đã trúng thầu	Số QĐ công bố	Ngày công bố kết quả trúng thầu	Số lượng đã ký hợp đồng	Đơn giá trúng thầu (có VAT) (VNĐ)	Nhóm TCKT	Nhà thầu trúng thầu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)

*Lưu ý: +) Mã hàng hóa (2): Theo mã của danh mục hàng hóa thuộc phụ lục 2

+) Nơi trúng thầu: Ưu tiên bệnh viện Trung Ương và bệnh viện trực thuộc Sở Y Tế Hà Nội với số lượng đã trúng tương đương với số lượng phụ lục 2

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ ĐÔNG

Phụ lục 2

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ NĂM 2023

Hà nội, ngày 20 tháng 10 năm 2022

STT	Mã Hàng hóa	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
1	HC001	Test nhanh chuẩn đoán viêm gan B	Test	11,000	
2	HC002	Test thử giang mai TP-PA	Test	200	
3	HC003	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Test	6,500	
4	HC004	Test nhanh HIV	Test	100	
5	HC005	Test nhanh HIV	Test	10,000	
6	HC006	Test nhanh chẩn đoán cúm A,B	Test	13,000	
7	HC007	Test nhanh chẩn đoán tay chân miệng EV71	Test	700	
8	HC008	Test nhanh chẩn đoán RSV	Test	200	
9	HC009	Test thử nước tiểu 10 thông số	Hộp	150	
10	HC010	Test thử nước tiểu 11 thông số	Test	12,000	
11	HC011	Test thử ma túy 4 chân (MOP - AMP - MET - THC)	Test	6,000	
12	HC012	Test nhanh thử HBcAb	Test	50	
13	HC013	Test nhanh chẩn đoán viêm gan E	Test	450	
14	HC014	Kit thử nhanh phát hiện kháng thể HIV (Định tính phát hiện kháng thể kháng virus HIV 1&2)	Test	1,000	
15	HC015	Test nhanh chuẩn đoán sốt xuất huyết kháng thể IgM/IgG	Test	10,500	
16	HC016	Test nhanh chuẩn đoán sốt xuất huyết Dengue kháng nguyên	Test	18,500	
17	HC017	Test nhanh chẩn đoán Rotavirus	Test	500	
18	HC018	Test nhanh chẩn đoán HBeAg	Test	1,700	
19	HC019	Test nhanh phát hiện H.Pylory qua máu	Test	150	
20	HC020	Test nhanh thử HAV	Test	700	
21	HC021	Test nhanh chẩn đoán Chlamydia	Test	50	
22	HC022	Test nhanh phát hiện H.Pylory có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy	Test	1,800	
23	HC023	Xylen	Chai	300	
24	HC024	Ethanol (dùng cho sinh học phân tử)	Chai	1	*
25	HC025	Methanol	Chai	1	*
26	HC026	Cồn tuyệt đối	Chai	503	
27	HC027	Nước cất	Lít	7,505	
28	HC028	Cồn 70 độ	Lít	7,224	
29	HC029	Cồn 90 độ	Lít	1,094	
30	HC030	Dung dịch khử nhiễm RNAase	Chai	1	*
31	HC031	Dung dịch khử nhiễm DNA	Chai	1	*
32	HC032	Dầu Parafin	Lít	90	
33	HC033	Anti human globulin	Lọ	130	
34	HC034	Dung dịch đệm LISS (Bovin serum albumin)	Lọ	130	
35	HC035	Huyết thanh mẫu Anti D IgM/IgG	Lọ	418	
36	HC036	Anti A	Lọ	518	
37	HC037	Anti B	Lọ	518	

38	HC038	Anti AB	Lọ	518	
39	HC039	Dung dịch tẩy rửa và làm sạch dụng cụ 5 Enzyme (tương tự Cidexzym)	Chai	142	
40	HC040	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao. Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde (tương tự Cidex-OPA)	Can	102	
41	HC041	Dung dịch ngâm khử nhiễm dụng cụ (tương tự Hexanios)	Lít	42	
42	HC042	Bộ hóa chất nhuộm Gram	Bộ	8	
43	HC043	Bộ hóa chất nhuộm Gram	Bộ	1	*
44	HC044	Thanh tẩm kháng sinh Colistin CO 256 xác định giá trị MIC	Hộp	2	
45	HC045	Thanh tẩm kháng sinh Levofloxacin LE 32 xác định giá trị MIC	Hộp	2	
46	HC046	Thanh tẩm kháng sinh Meropenem MP 32 xác định giá trị MIC	Hộp	2	
47	HC047	Thanh tẩm kháng sinh Vancomycin VA 256 xác định giá trị MIC	Hộp	2	
48	HC048	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Hộp	60	
49	HC049	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Hộp	15	
50	HC050	Thẻ định danh cho Nấm	Hộp	2	
51	HC051	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Hộp	60	
52	HC052	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Hộp	15	
53	HC053	Thẻ kháng sinh đồ Nấm	Hộp	2	
54	HC054	Thẻ kháng sinh đồ liên cầu	Hộp	2	
55	HC055	Nước muối 0.45%	Chai	24	
56	HC056	Khoanh giấy kháng sinh các loại	Hộp	60	
57	HC057	Bacitracin Discs (0.1i.u.) (Định danh Streptococci tan huyết nhóm A)	Hộp	1	*
58	HC058	Oxidase strips	Hộp	1	*
59	HC059	Optochin Discs	Hộp	1	*
60	HC060	Môi trường chọn lọc phân biết coliforms và các vi khuẩn không lên men lactose đồng thời ức chế vi khuẩn Gram dương	Hộp	2	
61	HC061	Môi trường phát hiện, phân lập và đếm số lượng coliforms và các vi khuẩn đường ruột khác	Đĩa	5	
62	HC062	Môi trường đa năng phù hợp cho việc nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc	Hộp	10	
63	HC063	Môi trường nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính	Đĩa	5	
64	HC064	Môi trường giàu dinh dưỡng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria và Haemophilus.	Đĩa	10	
65	HC065	Môi trường tạo màu để định danh sơ bộ và phân biệt các vi sinh vật là nguyên nhân chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu	Hộp	10	
66	HC066	Môi trường phân lập và phát hiện vi sinh vật gây nhiễm trùng đường tiết niệu	Đĩa	7	
67	HC067	Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh	Hộp	2	
68	HC068	Môi trường thử nghiệm nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc	Đĩa	10	

69	HC069	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn thông thường	Hộp	1	
70	HC070	Môi trường chọn lọc cho nuôi cấy nấm men và nấm sợi	Hộp	1	*
71	HC071	Môi trường có pH thấp nuôi cấy và phân biệt các nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men	Hộp	3	
72	HC072	Môi trường có pH thấp nuôi cấy và phân biệt các nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men	Đĩa	2	
73	HC073	Môi trường thạch dùng để phân lập và nuôi cấy vi khuẩn.	Đĩa	4	
74	HC074	Môi trường định danh Enterobacteriaceae, dựa trên quá trình lên men đường đôi và sản sinh hydrogen sulphide.	Hộp	1	
75	HC075	Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC® 29213™*	Hộp	1	*
76	HC076	Escherichia coli ATCC® 25922™*	Hộp	1	*
77	HC077	Pseudomonas aeruginosa ATCC® 27853™*	Hộp	1	*
78	HC078	Hồng cầu mẫu	Bộ	132	
79	HC079	Panel hồng cầu sàng lọc kháng thể bất thường	Bộ	13	
80	HC080	Test nhanh kháng nguyên virus Sars-CoV-2	Test	10,000	
81	HC081	Test nhanh kháng nguyên virus Sars-CoV-2	Test	1	*
82	HC082	Cloramin B	Kg	205	
83	HC083	Presept 2,5g	Hộp	163	
84	HC0084	Test nhanh kháng nguyên virus Sars-CoV-2	Test	1	*
85	HC0085	Test nhanh kháng nguyên virus Sars-CoV-2	Test	1	*
86	HC0086	Hóa chất định lượng ALAT (GPT)	Hộp	10	
87	HC0087	Hóa chất xét nghiệm Albumin	Hộp	3	
88	HC0088	Hóa chất định lượng ASAT (GOT)	Hộp	10	
89	HC0089	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hộp	8	
90	HC0090	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hộp	4	
91	HC0091	Hóa chất định lượng Calci huyết thanh	Hộp	3	
92	HC0092	Hóa chất định lượng CK-NAC	Hộp	1	
93	HC0093	Hóa chất định lượng Creatinin	Hộp	28	
94	HC0094	Hóa chất định lượng CRP	Hộp	6	
95	HC0095	Chất chuẩn trong xét nghiệm định lượng CRP	Hộp	2	
96	HC0096	Hóa chất định lượng Gamma-GT	Hộp	4	
97	HC0097	Hóa chất định lượng Glucose huyết thanh	Hộp	5	
98	HC0098	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng hba1c	Hộp	2	
99	HC0099	Hóa chất định lượng Hba1c (Reagent-1)	Hộp	7	
100	HC0100	Hóa chất định lượng Hba1c (Reagent-2)	Hộp	7	
101	HC0101	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Hba1c	Hộp	2	
102	HC0102	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm Hba1c	Hộp	2	
103	HC0103	Hóa chất định lượng sắt huyết thanh	Hộp	5	
104	HC0104	Hóa chất định lượng Magnesium	Hộp	1	*
105	HC0105	Hóa chất định lượng Urea	Hộp	5	
106	HC0106	Hóa chất định lượng Uric	Hộp	4	
107	HC0107	Hóa chất định lượng α - Amylase	Hộp	7	
108	HC0108	Chất kiểm chứng cho một số xét nghiệm định lượng sinh hóa	Hộp	3	

109	HC0109	Chất kiểm chuẩn theo dõi độ chính xác và độ lặp lại cho một số xét nghiệm sinh hóa	Hộp	3	
110	HC0110	Chất hiệu chuẩn cho một số xét nghiệm sinh hóa	Hộp	2	
111	HC0111	Hóa chất định lượng Antistreptolysin O	Hộp	1	*
112	HC0112	Chất chuẩn trong xét nghiệm định lượng ASO	Hộp	1	*
113	HC0113	Hóa chất định lượng CK-MB	Hộp	2	
114	HC0114	Chất chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	1	
115	HC0115	Hóa chất định lượng Cholesterol	Hộp	4	
116	HC0116	Hóa chất định lượng HDL-C	Hộp	3	
117	HC0117	Hóa chất định lượng LDL-C	Hộp	6	
118	HC0118	Hóa chất định lượng Triglycerides	Hộp	4	
119	HC0119	Chất chuẩn cho xét nghiệm Lipid	Hộp	2	
120	HC0120	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Hộp	4	
121	HC0121	Chất kiểm chuẩn theo dõi độ chính xác và độ lặp lại cho xét nghiệm định lượng Protein (mức 1)	Hộp	3	
122	HC0122	Chất kiểm chuẩn theo dõi độ chính xác và độ lặp lại cho xét nghiệm định lượng Protein (mức 2)	Hộp	3	
123	HC0123	Hóa chất xét nghiệm Rheumatoid Facter (RF)	Hộp	1	
124	HC0124	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm RF	Hộp	1	
125	HC0125	Chất tẩy rửa	Chai	65	
126	HC0126	Chất bôi trơn	Chai	45	
127	HC0127	Chất làm mát bóng đèn	Lọ	2	
128	HC0128	Hóa chất rửa kim	Hộp	1	
129	HC0129	Hóa chất rửa kim	Hộp	1	
130	HC0130	Hóa chất rửa kim	Hộp	2	
131	HC0131	Hóa chất rửa kim	Hộp	1	
132	HC0132	Dầu ủ Cuvette	Hộp	4	
133	HC0133	Hóa chất xác định thời gian APPT	Hộp	8	
134	HC0134	Hóa chất xác định thời gian thrombin huyết tương	Hộp	6	
135	HC0135	Hóa chất xác xác định nồng độ fibrinogen huyết tương	Hộp	16	
136	HC0136	Hóa chất xác định thời gian đông máu (PT)	Hộp	8	
137	HC0137	Dung dịch calcium clorid	Hộp	2	
138	HC0138	Huyết tương kiểm chuẩn ở mức bình thường	Hộp	8	
139	HC0139	Huyết tương kiểm chuẩn trong phạm vi điều trị	Hộp	8	
140	HC0140	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm đông máu	Hộp	1	
141	HC0141	Chất kiểm chuẩn dải bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu	Hộp	4	
142	HC0142	Dung môi pha loãng cho xét nghiệm đông máu	Hộp	2	
143	HC0143	Dung dịch rửa có tính kiềm	Hộp	18	
144	HC0144	Dung dịch rửa có tính acid	Chai	1	
145	HC0145	Cóng phản ứng	Túi	4	
146	HC0146	Dung dịch rửa máy huyết học	Hộp	10	
147	HC0147	Chất pha loãng máu toàn phần	Thùng	60	
148	HC0148	Ly giải hồng cầu để xác định nồng độ huyết sắc tố	Hộp	5	
149	HC0149	Nhuộm tế bào bạch cầu	Hộp	5	
150	HC0150	Thuốc thử nhuộm nhân để xác định các tế bào bạch cầu, hồng cầu nhân và bạch cầu ưa baso	Hộp	3	
151	HC0151	Chất ly giải đếm số lượng bạch cầu	Thùng	6	

152	HC0152	Thuốc thử ly giải đếm số lượng bạch cầu, bạch cầu ái kiềm, hồng cầu nhân	Thùng	6	
153	HC0153	Chất chuẩn cho xét nghiệm công thức máu (mức 1)	Hộp	24	
154	HC0154	Chất chuẩn cho xét nghiệm công thức máu (mức 2)	Lọ	24	
155	HC0155	Chất chuẩn cho xét nghiệm công thức máu (mức 3)	Lọ	24	
156	HC0156	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT (Alanine Aminotransfe rase)	Hộp	15	
157	HC0157	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin BCG	Hộp	3	
158	HC0158	Bộ hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm Ammonia	Hộp	1	
159	HC0159	Thuốc thử cho xét nghiệm Ammonia	Hộp	30	
160	HC0160	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST (ASPARTATE AMINOTRANS FERASE)	Hộp	15	
161	HC0161	Thuốc thử cho xét nghiệm Calcium	Hộp	1	
162	HC0162	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hộp	5	
163	HC0163	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CREATININE	Hộp	16	
164	HC0164	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Hộp	1	
165	HC0165	Thuốc thử cho xét nghiệm CRP	Hộp	5	
166	HC0166	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	Hộp	12	
167	HC0167	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT (Gamma-Glutamyl Trans ferase)	Hộp	5	
168	HC0168	Hóa chất định lượng Glucose	Hộp	16	
169	HC0169	Dung dịch tham chiếu chạy xét nghiệm điện giải (ICT reference solution)	Hộp	10	
170	HC0170	Hóa chất cho xét nghiệm ion Natri, Kali, Clorua trong mẫu huyết	Hộp	5	
171	HC0171	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm ion Natri, Kali, Clorua trong mẫu huyết thanh	Hộp	1	
172	HC0172	Chip đo thông số cho các xét nghiệm điện giải	Hộp	1	
173	HC0173	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm sắt	Hộp	1	
174	HC0174	Hóa chất định lượng xét nghiệm sắt (Iron)	Hộp	1	
175	HC0175	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm DLDL và UHDL	Hộp	1	
176	HC0176	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa (các thông số: albumin, calcium, cholesterol, creatinine, glucose, iron, lactic acid, magnesium, phosphorus, total protein, triglyceride, urea nitrogen (urea), và uric acid)	Hộp	2	
177	HC0177	Thuốc thử cho xét nghiệm prealbumin	Hộp	1	*
178	HC0178	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total protein	Hộp	3	
179	HC0179	Thuốc thử cho xét nghiệm xác định nồng độ Triglyceride trong huyết thanh/ huyết tương	Hộp	5	
180	HC0180	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-C (Ultra HDL)	Hộp	2	
181	HC0181	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea Nitrogen	Hộp	14	
182	HC0182	Thuốc thử cho xét nghiệm Uric Acid	Hộp	6	
183	HC0183	Dung dịch rửa kim	Hộp	5	
184	HC0184	Dung dịch rửa Acid	Hộp	20	
185	HC0185	Dung dịch rửa alkaline	Hộp	20	

186	HC0186	Dung dịch tẩy rửa A	Hộp	5	
187	HC0187	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm NT-pro BNP	Hộp	2	
188	HC0188	Mẫu chứng cho xét nghiệm NT-pro BNP	Hộp	2	
189	HC0189	Thuốc thử cho xét nghiệm NT- pro BNP	Hộp	20	
190	HC0190	Hóa chất chuẩn xét nghiệm AFP	Hộp	3	
191	HC0191	Hóa chất định lượng AFP	Hộp	25	
192	HC0192	Hóa chất chuẩn Anti-Tg	Hộp	1	
193	HC0193	Hóa chất định lượng Anti-Tg	Hộp	3	
194	HC0194	Hóa chất chuẩn Anti-TPO	Hộp	1	
195	HC0195	Hóa chất định lượng Anti-TPO	Hộp	3	
196	HC0196	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm B12	Hộp	1	*
197	HC0197	Hóa chất hiệu chứng B12	Hộp	1	*
198	HC0198	Hóa chất định lượng xét nghiệm B12	Hộp	1	*
199	HC0199	Hóa chất chuẩn CA 125 II	Hộp	1	
200	HC0200	Hóa chất định lượng CA 125 II	Hộp	4	
201	HC0201	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CA 15-3	Hộp	1	
202	HC0202	Hóa chất định lượng CA 15-3	Hộp	5	
203	HC0203	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm định tính CA 19-9	Hộp	1	
204	HC0204	Thuốc thử cho xét nghiệm định tính CA 19-9	Hộp	4	
205	HC0205	Hóa chất chuẩn CEA	Hộp	1	
206	HC0206	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư phôi CEA (carcinoembryonic)	Hộp	10	
207	HC0207	Hóa chất kiểm chuẩn Cortisol	Hộp	1	
208	HC0208	Hóa chất định lượng cortisol	Hộp	8	
209	HC0209	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm C-Peptide	Hộp	1	
210	HC0210	Hóa chất định lượng xét nghiệm C-Peptide	Hộp	5	
211	HC0211	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Cyfra 21-1	Hộp	1	
212	HC0212	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Cyfra 21-1	Hộp	1	
213	HC0213	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1	Hộp	2	
214	HC0214	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Folate	Hộp	1	*
215	HC0215	Mẫu chứng cho xét nghiệm Folate	Hộp	1	*
216	HC0216	Thuốc thử cho xét nghiệm Folate	Hộp	1	*
217	HC0217	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Free T4	Hộp	3	
218	HC0218	Hóa chất định lượng FT4	Hộp	40	
219	HC0219	Hóa chất chuẩn HE4	Hộp	1	
220	HC0220	Hóa chất hiệu chứng HE4	Hộp	1	
221	HC0221	Hóa chất xét nghiệm định lượng HE4	Hộp	2	
222	HC0222	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm xác định nồng độ Insulin	Hộp	1	*
223	HC0223	Thuốc thử cho xét nghiệm xác định nồng độ Insulin	Hộp	1	*
224	HC0224	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm xác định nồng độ Intact PTH	Hộp	1	
225	HC0225	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nhiệm Intact PTH	Hộp	1	
226	HC0226	Thuốc thử cho xét nghiệm xác định nồng độ Intact PTH	Hộp	5	
227	HC0227	Hóa chất chuẩn Prolactin	Hộp	1	*
228	HC0228	Hóa chất xét nghiệm định lượng Prolactin	Hộp	1	*
229	HC0229	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm SCC	Hộp	1	

230	HC0230	Mẫu chứng cho xét nghiệm SCC	Hộp	1	
231	HC0231	Hóa chất xét nghiệm định lượng SCC	Hộp	2	
232	HC0232	Mẫu chuẩn STAT HS Troponin I	Hộp	5	
233	HC0233	Mẫu chứng STAT HS Troponin I	Hộp	3	
234	HC0234	Hóa chất định lượng STAT High Sensitive Troponin-I	Hộp	25	
235	HC0235	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm TG	Hộp	1	
236	HC0236	Hóa chất chứng cho xét nghiệm định tính TG	Hộp	1	*
237	HC0237	Thuốc thử cho xét nghiệm TG	Hộp	3	
238	HC0238	Hóa chất chuẩn Total PSA	Hộp	1	
239	HC0239	Hóa chất định lượng Total PSA	Hộp	3	
240	HC0240	Hóa chất chuẩn TOTAL T3	Hộp	3	
241	HC0241	Hóa chất định lượng TOTAL T3	Hộp	40	
242	HC0242	Hóa chất chuẩn Total β-hCG	Hộp	2	
243	HC0243	Hóa chất định lượng Total β-hCG	Hộp	12	
244	HC0244	Hóa chất chuẩn định lượng TSH	Hộp	3	
245	HC0245	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Hộp	40	
246	HC0246	Dung dịch đệm đậm đặc	Hộp	40	
247	HC0247	Dung dịch rửa kim	Hộp	4	
248	HC0248	Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang loại Pre-Trigger	Hộp	25	
249	HC0249	Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang loại Trigger	Hộp	25	
250	HC0250	Hóa chất kiểm tra chất lượng chung cho xét nghiệm miễn dịch	Hộp	3	
251	HC0251	Mẫu chứng level 2 cho các xét nghiệm sinh hóa	Hộp	3	
252	HC0252	Mẫu chứng level 3 cho các xét nghiệm sinh hóa	Hộp	3	
253	HC0253	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng pepsinogen I	Hộp	1	*
254	HC0254	Hóa chất chứng cho xét nghiệm Pepsinogen I	Hộp	1	*
255	HC0255	Thuốc thử cho xét nghiệm xác định nồng độ Pepsinogen I	Hộp	1	*
256	HC0256	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Pepsinogen II	Hộp	1	*
257	HC0257	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm Pepsinogen II	Hộp	1	*
258	HC0258	Thuốc thử cho xét nghiệm xác định nồng độ Pepsinogen II	Hộp	1	*
259	HC0259	Cóng phản ứng	Hộp	40	
260	HC0260	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm PCT	Hộp	1	
261	HC0261	Hóa chất kiểm chứng xét nghiệm PCT	Hộp	1	
262	HC0262	Bộ hóa chất xét nghiệm PCT	Hộp	2	
263	HC0263	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm Hba1c	Hộp	5	
264	HC0264	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Hộp	1	*
265	HC0265	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT	Hộp	1	*
266	HC0266	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST	Hộp	1	*
267	HC0267	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calci	Hộp	1	*
268	HC0268	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hộp	1	*
269	HC0269	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Hộp	2	

270	HC0270	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK	Hộp	1	*
271	HC0271	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	10	
272	HC0272	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	2	
273	HC0273	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	3	
274	HC0274	Chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Hộp	3	
275	HC0275	Dung dịch rửa	Hộp	1	
276	HC0276	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Hộp	25	
277	HC0277	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Hộp	25	
278	HC0278	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hộp	1	*
279	HC0279	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP	Hộp	30	
280	HC0280	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hộp	8	
281	HC0281	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Hộp	10	
282	HC0282	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	2	
283	HC0283	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin	Hộp	5	
284	HC0284	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT	Hộp	6	
285	HC0285	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hộp	20	
286	HC0286	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	10	
287	HC0287	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol	Hộp	6	
288	HC0288	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hộp	1	
289	HC0289	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Inorganic Phosphorous (phospho vô cơ)	Hộp	1	*
290	HC0290	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Sắt	Hộp	3	
291	HC0291	Hóa chất dùng cho xét nghiệm điện giải	Hộp	28	
292	HC0292	Chất chuẩn huyết thanh mức cao dùng cho xét nghiệm điện giải	Hộp	1	
293	HC0293	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	Hộp	1	
294	HC0294	Chất chuẩn chuẩn điện giải mức giữa	Hộp	32	
295	HC0295	Hóa chất dùng cho xét nghiệm điện giải	Hộp	8	
296	HC0296	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hộp	3	
297	HC0297	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hộp	3	
298	HC0298	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hộp	3	
299	HC0299	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDH	Hộp	2	
300	HC0300	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol	Hộp	12	
301	HC0301	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Hộp	1	
302	HC0302	Hóa chất dùng cho xét nghiệm RF	Hộp	1	*
303	HC0303	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF	Hộp	1	*
304	HC0304	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt	Hộp	1	
305	HC0305	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hộp	10	
306	HC0306	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hộp	8	
307	HC0307	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Hộp	8	
308	HC0308	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride	Hộp	10	
309	HC0309	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen	Hộp	15	

310	HC0310	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hộp	6	
311	HC0311	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	Hộp	1	
312	HC0312	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein niệu	Hộp	3	
313	HC0313	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy	Hộp	3	
314	HC0314	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu	Hộp	1	
315	HC0315	Dung dịch rửa hệ thống	Hộp	24	
316	HC0316	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α-Amylase	Hộp	1	*
317	HC0317	Hóa chất hiệu chuẩn CRP	Hộp	2	
318	HC0318	Bộ cột và hóa chất cho xét nghiệm HbA1c	Hộp	10	
319	HC0319	Hóa chất kiểm chứng HbA1c mức I và II	Hộp	3	
320	HC0320	Hóa chất hiệu chuẩn HbA1c mức 1 và 2	Hộp	5	
321	HC0321	Que thử nước tiểu 10 thông số	Hộp	90	
322	HC0322	Hóa chất định lượng AFP	Hộp	2	
323	HC0323	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	Hộp	2	
324	HC0324	Hóa chất định lượng CA 125	Hộp	2	
325	HC0325	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3	Hộp	2	
326	HC0326	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	Hộp	2	
327	HC0327	Hóa chất định lượng CA 15-3	Hộp	2	
328	HC0328	Hóa chất định lượng CA 72-4	Hộp	2	
329	HC0329	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4	Hộp	2	
330	HC0330	Hóa chất định lượng CEA	Hộp	3	
331	HC0331	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Hộp	2	
332	HC0332	Hóa chất định lượng CA 19-9	Hộp	1	*
333	HC0333	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9	Hộp	1	*
334	HC0334	Hóa chất định lượng Cyfra 21-1	Hộp	2	
335	HC0335	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1	Hộp	2	
336	HC0336	Hóa chất định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B	Hộp	20	
337	HC0337	Hoa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B	Hộp	4	
338	HC0338	Hoa chất định lượng kháng thể viêm gan B	Hộp	8	
339	HC0339	Hoa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng kháng thể viêm gan B	Hộp	2	
340	HC0340	Hóa chất định lượng FT3	Hộp	3	
341	HC0341	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng FT3	Hộp	2	
342	HC0342	Hóa chất định lượng FT4	Hộp	3	
343	HC0343	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Hộp	2	
344	HC0344	Hóa chất định lượng TSH	Hộp	3	
345	HC0345	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Hộp	2	
346	HC0346	Hóa chất định lượng HCG+beta	Hộp	12	
347	HC0347	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng HCG+beta	Hộp	3	
348	HC0348	Hóa chất định lượng Ferritin	Hộp	8	
349	HC0349	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	Hộp	2	
350	HC0350	Chất pha loãng mẫu	Hộp	5	
351	HC0351	Hóa chất kiểm tra chất lượng các xét nghiệm tuyến giáp	Hộp	3	

352	HC0352	Hóa chất kiểm tra chất lượng các xét nghiệm marker ung thư	Hộp	3	
353	HC0353	Dung dịch rửa máy	Hộp	1	
354	HC0354	Dung dịch hệ thống để phát tín hiệu điện hóa	Hộp	20	
355	HC0355	Dung dịch hệ thống rửa bộ phát hiện của máy	Hộp	20	
356	HC0356	Nước rửa hệ thống	Hộp	8	
357	HC0357	Cup đựng dung dịch phản ứng	Hộp	5	
358	HC0358	Tip đựng dung dịch phản ứng	Hộp	10	
359	HC0359	Kít tách chiết tự động acid nucleic	Test	1	*
360	HC0360	Kít tách chiết DNA/RNA tự động	Test	1	*
361	HC0361	Hóa chất chạy mẫu có Lactate	Hộp	30	
362	HC0362	Hóa chất rửa thải toàn bộ	Hộp	29	
363	HC0363	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1	Hộp	2	
364	HC0364	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2	Hộp	3	
365	HC0365	Hóa chất kiểm chuẩn mức 3	Hộp	2	
366	HC0366	Cartridge đo : Khí máu (pH, PCO2, PO2), Điện giải(Na,Ca,K), Glucose & Lactat / Hct	Hộp	25	
367	HC0367	Chuẩn dùng cho máy khí máu GEM Premier 3000	Hộp	2	
368	HC0368	Hóa chất tạo dòng chảy trong xét nghiệm huyết học	Thùng	30	
369	HC0369	Chất kiểm chuẩn máy huyết học mức bình thường	Lọ	27	
370	HC0370	Chất kiểm chuẩn máy huyết học mức thấp	Lọ	27	
371	HC0371	Chất kiểm chuẩn máy huyết học mức cao	Lọ	27	
372	HC0372	Hóa chất rửa máy huyết học	Thùng	40	
373	HC0373	Hóa chất đo các thành phần bạch cầu	Thùng	19	
374	HC0374	Hóa chất đo công thức máu	Thùng	17	
375	HC0375	Ống máu lắng	Que	1800	
376	HC0376	Dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào	Can	340	
377	HC0377	Dung dịch ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin	Chai	48	
378	HC0378	Phá màng tế bào hồng cầu cho phân tích 5 thành phần bạch cầu	Chai	48	
379	HC0379	Dung dịch rửa đậm đặc	Can	24	
380	HC0380	Dung dịch rửa pH 8-8,6	Can	18	
381	HC0381	Dung dịch rửa pH 10-13	Bộ	4	
382	HC0382	Máu chuẩn 5 thành phần bạch cầu mức trung bình	Lọ	40	
383	HC0383	Máu chuẩn 5 thành phần bạch cầu mức thấp	Lọ	40	
384	HC0384	Dung dịch chất hoạt động bề mặt cation	Can	48	
385	HC0385	Dung dịch chất hoạt động bề mặt anion	Can	48	
386	HC0386	Hóa chất rửa máy đông máu	Hộp	48	
387	HC0387	Cuvette cho dòng máy đông máu tự động	Thanh	1,500	
388	HC0388	Hóa chất xét nghiệm APTT	Hộp	70	
389	HC0389	Hóa chất xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hộp	60	
390	HC0390	Thuốc thử xác định hoạt độ của yếu tố IX	Lọ	10	
391	HC0391	Thuốc thử xác định hoạt độ của yếu tố VIII	Lọ	20	
392	HC0392	Hóa chất xét nghiệm PT	hộp	120	
393	HC0393	Hóa chất sử dụng để pha thuốc thử Thrombin sử dụng cho xét nghiệm Clauss Fibrinogen	lọ	18	
394	HC0394	Mẫu QC nội kiểm mức bất thường	hộp	40	
395	HC0395	Mẫu QC nội kiểm mức bình thường N	Hộp	40	

396	HC0396	Hóa chất đánh giá thời gian đông máu Thrombin Clotting	Hộp	20	
397	HC0397	Hóa chất xúc tác cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen	Hộp	13	
398	HC0398	Thuốc thử định lượng D-Dimer	hộp	20	
399	HC0399	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm phân tích nước tiểu	Hộp	1	*
400	HC0400	Bộ kít hoá chất cài đặt và kiểm tra độ tuyến tính	Hộp	8	
401	HC0401	Dung dịch chạy máy	Thùng	3	
402	HC0402	Dung dịch khử nhiễm	Thùng	3	
403	HC0403	Dung dịch chạy khi tắt máy hoặc rửa định kỳ	Thùng	3	
404	HC0404	Hoá chất đếm tế bào CD4	Hộp	20	
405	HC0405	Mồi gen E xuôi	Ống	1	*
406	HC0406	Mồi gen E ngược	Ống	1	*
407	HC0407	Đầu dò gen E	Ống	1	*
408	HC0408	Chứng dương gen E	Ống	1	*
409	HC0409	Mồi gen RdRP xuôi	Ống	1	*
410	HC0410	Mồi gen RdRP ngược	Ống	1	*
411	HC0411	Đầu dò gen RdRP	Ống	1	*
412	HC0412	Chứng dương gen RdRP	Ống	1	*
413	HC0413	Mastermix cho xét nghiệm Realtime PCR	Hộp	1	*
414	HC0414	Đĩa phản ứng 0,3ml	Thùng	3	
415	HC0415	Đĩa tách chiết 2.0 ml	Thùng	3	
416	HC0416	Hóa chất ly giải mẫu cho xét nghiệm HBV/HCV	Hộp	3	
417	HC0417	Hóa chất chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm HBV/HCV	Hộp	3	
418	HC0418	Kit chuẩn bị mẫu phục vụ tách chiết acid nucleic trong xét nghiệm đo tải lượng virus HBV/HCV/HIV;	Hộp	1	*
419	HC0419	Dung dịch đệm rửa dùng cho xét nghiệm định HIV, HCV, HBV	Hộp	3	
420	HC0420	Dung dịch đệm rửa dùng cho xét nghiệm định HIV, HCV, HBV	Hộp	9	
421	HC0421	Ngăn chứa thuốc thử sử dụng trên máy tách chiết vật chất di truyền tự động loại 200ml.	Thùng	3	
422	HC0422	Ngăn chứa thuốc thử sử dụng trên máy tách chiết vật chất di truyền tự động loại 50ml.	Thùng	2	
423	HC0423	Đầu col để hút mẫu cho máy	Thùng	15	
424	HC0424	Kít định lượng HBV	Hộp	28	
425	HC0425	Kit định lượng HCV	Hộp	3	
426	HC0426	Kit định lượng HIV-1	Hộp	8	
427	HC0427	Mẫu chứng HBV/HCV/HIV-1	Hộp	12	
428	HC428	Ống pha huyền dịch	thùng 2000 ống	2	
429	HC429	Chai cấy máu hiếu khí	Hộp 50 chai	30	
430	HC430	Chai cấy máu kị khí	Hộp 50 chai	30	
431	HC431	Chai cấy máu nhi khoa	Hộp 50 chai	10	
432	HC432	Betadin	Chai	60	
433	HC433	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert	Hộp 50 test	2	
434	HC434	Fluosescein	test	50	

435	HC435	Giấy tẩm Fluorescein	Lọ	80	
436	HC436	Dung dịch Atropin 0.5%	Lọ	120	
437	HC437	GLUCOSE KHAN	gói	24	
438	HC438	Glucose khan	Kg	5	
439	HC439	Zaven	Lit	3	
440	HC440	Alinity c Hemoglobin A1c Calibrators	Hộp	3	
441	HC441	Alinity c Hemoglobin A1c Reagent Kit	Hộp	10	
442	HC442	Alinity c Dertegent B	Hộp	1	
443	HC443	Alinity c-series-Mainternance Solution	Hộp	5	
444	HC444	DNA Mycobacteria - Extraction	Hộp96 test	2	
445	HC445	Accupower MTB Reatime PCR	Hộp96 test	2	
446	HC446	Viral RNA - Extraction	Hộp96 test	3	
447	HC447	HPV Realtime PCR	Hộp96 test	1	
448	HC448	Hóa chất ly giải mẫu cho xét nghiệm HBV/HCV- 960	Hộp	9	
449	HC449	Hóa chất chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm HBV/HCV-960	Hộp	9	
450	HC450	ISE Detergent Solution	Hộp	2	
451	HC451	ISE Serum Standard Set (NA)	Hộp	2	
452	HC452	ISE Buffer (IS)	Hộp	18	
453	HC453	JEL 780609735 Internal Standard	Hộp	15	
454	HC454	MINICAP Hb MAXI-KIT (kit lớn)	thùng	1	
455	HC455	HbA2 NORMAL CONTROL	lọ	2	
456	HC456	HbA2 PATHOLOGICAL CONTROL	lọ	1	*
457	HC457	TUBES/CAP FOR CONTROLS	hộp	1	*
458	HC458	CAPICLEAN MINICAP FLEX PIERCING	hộp	1	
459	HC459	Thuốc thử xác định hoạt độ của yếu tố XI	Lọ	10	
460	HC460	Brillian cresyl blue solution	chai 100ml	3	
461	HC461	Alphasept D + P	Chai	24	
462	HC462	Cidezyme	Lít	10	
463	HC463	NEODISHER Mediclean fort	Lít	60	
464	HC464	Neodisher pretop	Chai	20	
465	HC465	CIDEX OPA	Can 5l	36	
466	HC466	NEODISHER (OPA)	Kg	40	
467	HC467	CIDEXZIME	Chai 1L	180	
468	HC468	MEDICLEAN FOR	Chai 1L	180	
469	HC469	HEXANIOS G+R	Can 5L	24	
470	HC470	DUNG DỊCH ĐÁNH TAN RỈ DC (IR)	Can 1L	10	
471	HC471	DẦU BÔI TRƠN ĐÁNH BÓNG DC (IP)	Bình xịt	5	
472	HC472	DỤNG CỤ KÌM KHUẨN	Bình xịt	3	
473	HC473	VÔI SODA	Kg	110	
474	HC474	SEPTO ACTIVE (khử khuẩn phun sương phòng mổ)	CAN 5L	10	
475	HC475	DẦU PARPHIN VINPHACO	Ống 5ml	1	*
476	HC476	Harris hematoxilin	chai 500ml	36	
477	HC477	Eosin 1%	chai 1000ml	18	
478	HC478	Giem sa	chai 1000ml	3	
479	HC479	EA 50	chai 500ml	12	

480	HC480	Orang G6	chai 500ml	12	
481	HC481	Thuốc thử Schiff	chai 1000ml	1	
482	HC482	Periodic	chai 1000ml	1	
483	HC483	Formaldehyde	chai 500ml	150	
484	HC484	Clorin	kg	40	
485	HC485	Acid HCl đậm đăc	chai 500ml	2	
486	HC486	Viên sủi khử khuẩn Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Viên tẩy PRESEPT	Hộp	6	
487	HC487	Cidezyme	Chai	3	
488	HC488	Beadine	Chai	5	
489	HC489	Cồn i ốt	lít	6	
490	HC490	Beadine 100ml	Chai	60	
491	HC491	NếnParaffin	Kg	500	
492	HC492	Dung dịch rửa tay	Lít	25	
493	HC493	Cidex OPA	Can	50	
494	HC494	Cidexzym	Chai	25	
495	HC495	Cidex OPA	Lít	10L	
496	HC496	Cidezyme	Lít	10L	
497	HC497	Javen	Lit	10L	
498	HC498	GP-Hand 4	Lít	24	
499	HC499	Cidex OPA	Lít	120	
500	HC500	Cidezyme	Lít	8	
501	HC501	Javen	Lit	36	
502	HC502	Javen 5%	ml	2000	
503	HC503	Test nhanh chẩn đoán Adenovirus	Test	1000	
504	HC504	Môi trường chọn lọc dinh dưỡng canh tháng broth	Hộp 500g	3	
505	HC505	Dầu soi	lọ 500ml	1	
506	HC506	Cloramin B	Kg	203	
507	HC507	Presept 2,5g	Hộp	159	
508	HC508	cidezyme	chai	1	*
509	HC509	Presep	lọ	1	*
510	HC510	Accupower HBV Reatime PCR	Hộp 96 test	3	
511	HC511	Kít tách chiết DNA/ARN	Hộp 96 test	3	
512	HC512	Hóa chất định lượng virus realtime PCR viêm gan B	Hộp	5	
513	HC513	R4607011; Staphylococcus aureus subsp. aureus ATCC® 29213™*	lọ	1	
514	HC514	R4607050; Escherichia coli ATCC® 25922™*	lọ	1	
515	HC515	R4607060; Pseudomonas aeruginosa ATCC® 27853™*	lọ	1	